

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC AN GIANG

Số : 145 /TB-KBAG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2016

THÔNG BÁO

Về việc triển khai thực hiện Thông tư 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính, quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Hiện nay, Thông tư số 08/2016/TT-BTC đã được thay thế các nội dung quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 và có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2016.

Kho bạc Nhà nước An Giang thông báo một số điểm mới đáng chú ý của Thông tư 08/2016/TT-BTC so với Thông tư 86/2011/TT-BTC liên quan đến thủ tục gửi đến Kho bạc Nhà nước để kiểm soát, thanh toán và đối chiếu số liệu vốn đầu tư từ nguồn vốn NSNN cho dự án. Đề nghị các Kho bạc Nhà nước các huyện, thị, thành và Phòng Giao dịch, các đơn vị sử dụng ngân sách, các Chủ đầu tư, các Ban quản lý dự án nghiên cứu, phối hợp triển khai thực hiện theo Thông tư đã được thay thế.(Thông tư số 08/2016/TT-BTC, Phụ lục một số điểm mới đáng chú ý của Thông tư 08/2016/TT-BTC so với Thông tư 86/2011/TT-BTC được đăng tải trên website: <http://khobac.angiang.gov.vn>).

Nếu có vấn đề gì chưa rõ, liên hệ với Kho bạc Nhà nước An Giang để biết thêm chi tiết./.

Noi nhận:

- KBNN huyện, thị, thành và Phòng Giao dịch;
- Chủ đầu tư/Ban QLDA;
- Lưu: VT, KSC, Website.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Thúc

PHỤ LỤC MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA THÔNG TƯ 08/2016

Giới thiệu một số nội dung Thông tư 08/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính Ngày 18 tháng 01 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 08/2016/TT-BTC về hướng dẫn quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (NSNN). Thông tư này thay thế các nội dung quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN tại Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN

Một số điểm mới đáng chú ý của Thông tư 08/2016/TT-BTC so với Thông tư 86/2011/TT-BTC liên quan đến bộ thủ tục gửi đến Kho bạc Nhà nước để kiểm soát, thanh toán từ nguồn vốn NSNN cho dự án như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Thông tư này quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư của các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn NSNN (bao gồm: vốn đầu tư của ngân sách trung ương cho Bộ, ngành trung ương; vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho địa phương; vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương); các dự án đầu tư sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có sử dụng nguồn vốn NSNN thì phần nguồn vốn NSNN của dự án được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.
- Đối với các dự án đầu tư từ các nguồn vốn khác của Nhà nước ngoài nguồn vốn NSNN khuyến khích vận dụng những nguyên tắc thanh toán theo quy định tại Thông tư này.
- Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Về thành phần hồ sơ pháp lý gửi một lần của dự án

- Đối với dự án chuẩn bị dự án: hồ sơ yêu cầu phải có văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.
- Đối với dự án thực hiện dự án:
 - + Dự án khởi công mới và các dự án có điều chỉnh tăng tổng mức vốn đầu tư phải gửi kèm theo văn bản thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cơ quan kế hoạch và đầu tư và cơ quan tài chính theo quy định của Luật Đầu tư công
 - + Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán gói thầu của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp thanh toán hợp đồng theo đơn giá, không phân biệt việc lựa chọn nhà thầu theo hình thức nào.

3. Về nguyên tắc tạm ứng đối với hợp đồng thi công xây dựng; mức tạm ứng vốn đối với hợp đồng tư vấn

- Về nguyên tắc tạm ứng vốn hợp đồng thi công xây dựng:

Đối với hợp đồng thi công xây dựng thì phải có cả kế hoạch giải phóng mặt bằng theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

- Về mức tạm ứng vốn đối với hợp đồng tư vấn:

- + Hợp đồng có giá trị trên 10 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng tối thiểu bằng 15% giá trị hợp đồng;
- + Hợp đồng có giá trị đến 10 tỷ đồng, mức vốn tạm ứng tối thiểu bằng 20% giá trị hợp đồng.

(Thông tư 86/2011/TT-BTC quy định chung mức tạm ứng tối thiểu đối với hợp đồng tư vấn là 25% giá trị hợp đồng)

4. Về bảo lãnh tạm ứng vốn

Về bảo lãnh tạm ứng:

- Đối với các hợp đồng có giá trị tạm ứng hợp đồng lớn hơn 01 tỷ đồng yêu cầu có bảo lãnh tạm ứng:

+ Trước khi Kho bạc Nhà nước thực hiện việc tạm ứng hợp đồng cho chủ đầu tư để tạm ứng vốn cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc Nhà nước bảo lãnh tạm ứng hợp đồng của nhà thầu hoặc nhà cung cấp với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng.

+ Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được giảm trừ tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa bên giao thầu và bên nhận thầu. Chủ đầu tư đảm bảo và chịu trách nhiệm giá trị của bảo lãnh tạm ứng tương ứng với số dư tiền tạm ứng còn lại.

+ Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi chủ đầu tư đã thu hồi hết số tiền tạm ứng.

- Các trường hợp không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng:

+ Các hợp đồng có giá trị tạm ứng hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 01 tỷ đồng. Trường hợp này, để đảm bảo sử dụng vốn tạm ứng an toàn và có hiệu quả, chủ đầu tư tùy theo điều kiện cụ thể được quyền yêu cầu nhà thầu bảo lãnh tạm ứng vốn theo nội dung nêu tại điểm a, khoản 4 Điều này và chịu trách nhiệm về yêu cầu bảo lãnh tạm ứng của mình.

+ Các hợp đồng xây dựng theo hình thức tự thực hiện bao gồm cả hình thức do cộng đồng dân cư thực hiện theo các chương trình mục tiêu;

+ Các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng và công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (trừ trường hợp công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải xây dựng các công trình).

(Thông tư 86/2011/TT-BTC quy định, trường hợp trong hợp đồng chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận có bảo lãnh tiền tạm ứng thì nhà thầu phải có bảo lãnh khoản tiền tạm ứng, không phân biệt giá trị tạm ứng)

5. Về chi phí quản lý dự án

Căn cứ dự toán chi phí quản lý dự án trong năm kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Kho bạc Nhà nước thực hiện tạm ứng vốn theo đề nghị của chủ đầu tư. Mức tạm ứng vốn không vượt quá dự toán chi phí quản lý dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Thông tư 86/2011/TT-BTC không quy định nội dung này)

6. Về kiểm tra, đánh giá thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn

- Kho bạc Nhà nước đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện đúng quy định về việc thu hồi vốn tạm ứng, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện kiểm tra vốn đã tạm ứng để thu hồi những khoản tồn đọng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích. Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo thu hồi hết số vốn đã tạm ứng khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.
- Hàng quý các chủ đầu tư có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tạm ứng vốn, thu hồi tạm ứng vốn gửi Kho bạc Nhà nước và cơ quan cấp trên của chủ đầu tư, báo cáo nêu rõ việc thực hiện và thu hồi số vốn đã tạm ứng.
- Hàng quý Kho bạc Nhà nước có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tạm ứng vốn, thu hồi tạm ứng vốn của các Bộ, ngành và địa phương gửi cơ quan Tài chính đồng cấp, trong báo cáo phân loại rõ số dư tạm ứng đến từng thời kỳ. Đối với dự án do các Bộ, ngành quản lý, Bộ Tài chính có văn bản gửi các Bộ, ngành để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng chưa thu hồi. Đối với dự án thuộc Ủy ban nhân dân các cấp quản lý, Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để có biện pháp xử lý số dư tạm ứng chưa thu hồi.
- Đối với các công việc của dự án thực hiện theo hợp đồng: vốn tạm ứng chưa thu hồi nếu quá thời hạn 6 tháng kể từ thời điểm phải thực hiện khôi lượng theo tiến độ ghi trong hợp đồng mà nhà thầu chưa thực hiện hoặc sử dụng sai mục đích, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước để thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ đầu tư chưa thu hồi và không có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn, Kho bạc Nhà nước có văn bản đề nghị chủ đầu tư thu hồi của nhà thầu hoặc đề nghị chủ đầu tư yêu cầu tổ chức tín dụng phát hành bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh khi nhà thầu vi phạm cam kết với chủ đầu tư về việc sử dụng vốn tạm ứng.
- Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: vốn tạm ứng chưa thu hồi nếu quá thời hạn 3 tháng kể từ thời điểm tạm ứng vốn chưa thực hiện chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước yêu cầu tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường hỗ trợ và tái định cư chuyển toàn bộ số tiền đã tạm ứng về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại Kho bạc Nhà nước để thuận tiện cho việc kiểm soát thanh toán và thu hồi tạm ứng. Trường hợp sau thời hạn 1 năm kể từ ngày chuyển tiền về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư mà chưa thực hiện chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ đầu tư không làm thủ tục nộp ngân sách nhà nước, thì Kho bạc Nhà nước được phép trích từ tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư để nộp lại ngân sách nhà nước, giảm số vốn đã tạm ứng cho dự án và thông báo cho chủ đầu tư.

7. Về thanh toán khôi lượng hoàn thành các công việc thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng

Thông tư quy định thanh toán khôi lượng hoàn thành đối 05 loại hợp đồng (Thông tư 86/2011/TT-BTC quy định 06 loại) là: (1) hợp đồng trọn gói; (2) hợp đồng theo đơn

giá điều chỉnh; (3) hợp đồng theo đơn giá cố định; (4) hợp đồng theo thời gian; (5) hợp đồng theo đơn giá kết hợp.

Về hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành, Thông tư quy định gửi Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng. Khi có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng, chủ đầu tư gửi Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng (Thông tư 86/2011/TT-BTC không quy định chủ đầu tư phải gửi Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành đến Kho bạc).

Khi dự án hoàn thành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt quyết toán, Kho bạc Nhà nước căn cứ vào quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch vốn được giao trong năm của dự án để kiểm soát thanh toán cho dự án. Hồ sơ, tài liệu thanh toán gồm: Quyết định phê duyệt quyết toán kèm báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Chứng từ chuyển tiền.

8. Về thời hạn kiểm soát thanh toán vốn của Kho bạc Nhà nước

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ thanh toán theo quy định của chủ đầu tư, căn cứ vào hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng) và số tiền chủ đầu tư đề nghị thanh toán, Kho bạc Nhà nước kiểm soát, thanh toán cho dự án và thu hồi vốn tạm ứng theo quy định (Thông tư 86/2011/TT-BTC quy định đối với “thanh toán toán trước, kiểm soát sau” là 03 ngày làm việc; “kiểm soát trước, thanh toán sau” là 07 ngày làm việc).

9. Về trách nhiệm, quyền hạn của Kho bạc Nhà nước

Kho bạc Nhà nước kiểm soát thanh toán trên cơ sở các tài liệu do chủ đầu tư cung cấp và theo nguyên tắc thanh toán đã quy định, không chịu trách nhiệm về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu.

10. Về hệ thống các mẫu biểu

Số lượng, tên gọi của các mẫu biểu thanh toán tương tự như quy định tại Thông tư 86/2011/TT-BTC. Tuy nhiên về kết cấu mẫu biểu có bổ sung, điều chỉnh số chỉ tiêu ở PL 03a, PL 04. Về thành phần tham gia ký, xác nhận trên bảng xác định giá trị khối lượng theo hợp đồng, ngoài hợp đồng không có Tư vấn giám sát ký; không có Chính quyền địa phương ký đối với Bảng xác định giá trị khối lượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Thông tư này không thay thế toàn bộ thông tư 86/2011/TT-BTC mà chỉ thay thế các nội dung quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, có hiệu lực từ ngày 05/3/2016.